

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Doanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Loan

2. Ông Nguyễn Gia Khải

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-ST ngày 09/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: số nhà X đường T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn H1 có tự do, tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2011 Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q một thời gian đến năm 2013 vợ chồng chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và lao động tự do. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính

tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay mỗi người sống một nơi, chị đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh còn anh H1 sinh sống tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành D sinh ngày 07/12/2012 hiện con chung đang ở cùng anh H1. Ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 là 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn Anh Nguyễn Văn H1 trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như Chị H trình bày như trên là đúng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Nay Chị H có đơn xin ly hôn thì anh H1 đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ với nhau, anh không đồng ý ly hôn. Hiện anh đang sinh sống tại xã Q; Chị H đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành D sinh ngày 07/12/2012, hiện con chung đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thành D ngày 14/02/2022 thể hiện:*

Cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 07/12/2012 là con đẻ của chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Văn H1. Hiện cháu D đang học lớp 4A, trường Tiểu học xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, cháu D đang ở cùng anh H1. Nay chị H, anh H1 ly hôn thì cháu D có nguyện vọng ở với anh H1.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Văn H1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 23/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q một thời gian thì chuyển vào làm ăn và sinh sống tại Miền Nam. Quá trình chung sống vợ chồng Chị H và anh H1 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì cơ sở thôn không nắm rõ, từ tháng 01/2022 anh H1 về xã Q sinh sống cho đến nay, Chị H vẫn làm ăn tại Miền Nam. Nay Chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu hòa giải không thành đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 07/12/2012, hiện con chung đang ở cùng anh H1, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chấp hành chưa tốt quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Văn H1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn hiện có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/12/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không hồi hàn, chia sẻ với nhau, Chị H đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh trong khi đó anh H1 sinh sống tại Thái Bình. Quá trình Tòa án thụ

lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị H đề nghị ly hôn nhưng anh H1 không đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh H1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Văn H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 07/12/2012. Ly hôn anh, chị thống nhất giao con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, Chị H nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1. Cháu Nguyễn Thành D cũng có nguyện vọng ở cùng anh H1. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh H1 là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Thành D cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 là 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn Anh Nguyễn Văn H1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho Anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 07/12/2012. Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) kể từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có

thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0004563 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Doanh**

